

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số nhà 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý III năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Dạng đầy đủ

Quý III năm 2010

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Quý III        |                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|----------------|----------------|-----------------------------------|-----------------|
|                                                    |       |             | Năm nay        | Năm trước      | Năm nay                           | Năm trước       |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 76,679,304,743 | 64,663,261,507 | 186,878,021,033                   | 171,773,223,144 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.1        |                |                | -                                 | 5,212,442,857   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 76,679,304,743 | 64,663,261,507 | 186,878,021,033                   | 166,560,780,287 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 60,071,983,741 | 53,170,862,295 | 145,878,551,269                   | 130,805,310,787 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 16,607,321,002 | 11,492,399,212 | 40,999,469,764                    | 35,755,469,500  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 11,499,533,303 | 690,965,477    | 34,021,623,749                    | 2,578,936,417   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 5,492,823,194  | 1,632,894,369  | 12,468,350,491                    | 3,789,358,520   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 5,492,823,194  | 1,567,642,035  | 12,175,931,381                    | 3,833,506,186   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    |             |                |                | -                                 | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.5        | 3,974,942,115  | 2,410,097,326  | 12,132,491,960                    | 6,773,464,724   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 18,639,088,996 | 8,140,372,994  | 50,420,251,062                    | 27,771,582,673  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        |                | 142,208,305    | 695,062,560                       | 2,900,606,573   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.7        | 27,959,078     | 1,038,014,043  | 423,444,758                       | 3,004,977,762   |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (27,959,078)   | (895,805,738)  | 271,617,802                       | (104,371,189)   |



|                                                  |    |                |                |                |                |
|--------------------------------------------------|----|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | 50 | 18,611,129,918 | 7,244,567,256  | 50,691,868,864 | 27,667,211,484 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.18           | 2,027,747,480  | 1,448,163,284  | 7,464,702,095  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 52 |                |                |                |                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 60 |                | 16,583,382,439 | 5,796,403,972  | 43,227,166,770 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 70 |                |                | 725            | 2,843          |

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2010

Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc




Lê Hà Giang